

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường Cầu Cháy (Đoạn từ đường 30/4 đến đường 3/2), thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÀ BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÀ THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÀ BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT TÍNH BỒI THƯỜNG BỔ SUNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ		TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
								ĐẤT Ồ	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC	NHÀ, VKT	KHÁC		
1	Ông (bà) Vũ Thị Đoan Trang đang sử dụng đất (các ông/bà Vũ Văn Núi, Bùi Thị Quyền, Vũ Văn Tư là người có tên kê khai tại hồ sơ địa chính năm 1993)	169/7 Đô Lương, Phường 12, TP.Vũng Tàu	882,30	272,30	0,00	0,00	0,00	0,00	272,30	2.237.489.100	11.987.026	1.800.000	0	0	0	2.251.276.126	
2	Ông (bà) Nguyễn Thị Gái đang sử dụng đất (các ông/bà Vũ Văn Núi, Bùi Thị Quyền, Vũ Văn Tư là người có tên kê khai tại hồ sơ địa chính năm 1993) (và ông (bà) Trần Minh Quý - Hoàng Chung Bích Ngọc được cấp giấy chứng nhận)	50/2 Đô Lương, Phường 12, TP.Vũng Tàu	849,70	665,70	0,00	0,00	0,00	0,00	665,70	5.470.056.900	13.683.080	0	0	0	0	5.483.739.980	

3	Ông (bà) Phùng Mạnh Dũng - Nguyễn Thị Mai; Phạm Xuân Thê (đồng sử dụng đất)	1172/93/1/10 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu.	13,20	13,20	0,00	0,00	0,00	0,00	13,20	32.683.200	Thu hồi, bồi thường bổ sung phần diện tích đất còn lại 13,20m2 thuộc GCN theo đơn kiến nghị của hộ dân đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và ĐTC thành phố Vũng Tàu thống nhất, thông qua ngày 22/11/2023	0	0	32.683.200	
4	Các ông (bà) Bùi Thị Lan, Bùi Ngọc Du, Bùi Ngọc Sơn, Bùi Thị Hương, Bùi Thị Phương, Bùi Kim Loan	163/5B Đò Lương, Phường 12, thành phố Vũng Tàu	0,00	0,00	588,40	517,90	517,90	0,00	517,90	560.367.800	Thực hiện Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Kim Loan; theo đó bồi thường bổ sung chênh lệch theo giá đất tại thời điểm thu hồi đất theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 và hỗ trợ bổ sung đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề; tìm kiếm việc làm	0	318.314.250	878.682.050	
5	Ông (bà) Trương Công Nghĩa - Bùi Thị Tuyết (ông Trương Sông Danh là người có liên quan)	1142/11 đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,00	0,00	90,40	59,70	30,70	30,70	0,00	553.428.900	Tính bồi thường bổ sung diện tích 30,70/90,40m2 đã thu hồi (nhưng không bồi thường) tại Quyết định số 9431/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 theo đơn kiến nghị của ông Trương Sông Danh (cung cấp hồ sơ pháp lý về đất đối với diện tích 30,70m2) đã được Hội đồng BTHTTĐC thành phố thống nhất họp xét ngày 22/11/2023 trên cơ sở ý kiến của UBND Phường 11 tại Văn bản số 1276/UBND-ĐC ngày 19/6/2023; Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra về đất tại Văn bản số 4845/TNMT-BT ngày 13/10/2023.	94.668.984	0	648.097.884	người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích 30,70m2 theo khoản 2 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP

6	Ông (bà) Trần Đức Sa - Lương Thị Chiêm	155/2 đường Đô Lương, Phường 12, TP.Vũng Tàu	0,00	0,00	150,50	150,50	0,00	0,00	0,00	Giao bổ sung 01 lô đất tái định cư, bổ sung tiền đi chuyên, tiền thuê nhà (trước đây chưa xét tại Quyết định số 5086/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; Quyết định số 11957/QĐ-UBND ngày 05/10/2022) trên cơ sở ý kiến của UBND Phường 12 tại Văn bản số 395/UBND-ĐC ngày 28/02/2023 và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố tại Văn bản số 938/CNVĐK-TTTL ngày 11/3/2022 được Hội đồng BTHHTĐC Thành phố họp xét thống nhất ngày 22/11/2023	6.300.000	0	16.320.000	22.620.000	giao 01 lô TĐC	
7	Ông (bà) Bùi Thị Dịu	1142/14 đường 30 tháng 4, Phường 11, TP.Vũng Tàu.	0,00	0,00	24,30	24,30	0,00	0,00	0,00	Đã tính bồi thường và giao 01 căn hộ chung cư TĐC tại Quyết định số 11497/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND TP. Vũng Tàu; nay điều chỉnh giao 01 căn chung cư tái định cư thành giao 01 lô đất tái định cư theo đơn kiến nghị của hộ dân được Hội đồng BTHHTĐC Thành phố họp xét thống nhất ngày 22/11/2023.		0	0	0	giao 01 lô TĐC thay thế 01 căn hộ chung cư tái định cư	
TỔNG CỘNG:			1.745,20	951,20	853,60	752,40	548,60	30,70	1.469,10	8.854.025.900	25.670.106	1.800.000	6.300.000	94.668.984	334.634.250	9.317.099.240

- * Diện tích đất thu hồi : 1.745,20 m2
- * Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường : 794,00 m2
- * Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường : 951,20 m2 (nông nghiệp)
- * Diện tích đất đã thu hồi : 853,60 m2
- * Diện tích đất đã bồi thường : 752,40 m2
- * Diện tích đất được tính bồi thường bổ sung (trong đó có 30,70m2 được bồi thường bổ sung theo giá đất ở, người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP theo đơn kiến nghị (trước đây đã thu hồi, không bồi thường); 517,90m2 được tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Kim Loan) : 548,60 m2 (30,70m2 đất ở và 517,90m2 đất nông nghiệp)

* Số lô đất tái định cư	:	lô (trong đó có 01 lô TĐC 02 thay thế 01 căn hộ chung cư TĐC)
* Số lô đất ở	:	không
* Số hộ dân được tính bồi thường, hỗ trợ	:	07 hộ dân (05 hộ bổ sung)
a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân	:	9.317.099.240 đồng
- Kinh phí bồi thường:	:	8.887.796.006 đồng;
+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất	:	8.854.025.900 đồng;
+ Bồi thường hoa màu, cây trái	:	25.670.106 đồng;
+ Bồi thường nhà, VKT	:	1.800.000 đồng;
+ Bồi thường khác	:	6.300.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ:	:	429.303.234 đồng;
+ Hỗ trợ nhà, VKT	:	94.668.984 đồng;
+ Hỗ trợ khác	:	334.634.250 đồng;
b) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB (a) x 2%	:	186.341.985 đồng;
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (a) + (b)	:	9.503.441.225 đồng.

(Bằng chữ: Chín tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thụy